TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt;

2. Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 243/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Sơn G, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: 8/178 ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: 7/41 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lào Thị L, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: 8/178 ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: 79/D2 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Sơn G trình bày: Ông

Sơn G và bà Lào Thị L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2012. Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm cuộc sống lẫn nhau; đồng thời vào tháng 6/2021 ông G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lào Thị L. Tuy nhiên, ông G tự nguyện rút đơn khởi kiện nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vẫn tiếp diễn.

Trong quá trình chung sống giữa ông G và bà L có 03 con chung tên Sơn Lào Nhật H, sinh ngày 23/5/2011; Sơn Nhật H, sinh ngày 23/10/1999 và Sơn Minh Q, sinh ngày 23/11/2001.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Sơn G yêu cầu được ly hôn với bà Lào Thị L.

Về con chung: Ông G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sơn Lào Nhật H, sinh ngày 23/5/2011. Đối với con chung tên Sơn Nhật H, sinh ngày 23/10/1999 và Sơn Minh Q, sinh ngày 23/11/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông G không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lào Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà L đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên bà L đều vắng mặt không rõ lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông G chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bà L không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Giàu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Sơn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lào Thị L, đồng thời bà Loán hiện đang đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ 79/D2 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo biên bản xác minh ngày 29/6/2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Ông Sơn G yêu cầu được ly hôn với bà Lào Thị L, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lào Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn ông G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà L và xem như bà L từ bỏ quyền chứng minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Sơn G và bà Lào Thị L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà L là hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình chung sống với nhau, chính quyền địa phương không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa ông Sơn G và bà Lào Thị L do không ai trình báo. Tuy nhiên, kèm theo đơn khởi kiện ông G cung cấp Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 170/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2021 và Trích lục Quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án hôn nhân gia đình số 170/2021/TLQĐ ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn ông Sơn G và bị đơn bà Lào Thị L. Qua đó cho thấy, ông G có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn tình cảm và tạo cơ hội cho vợ chồng về đoàn tụ và xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng tình cảm không thể hàn gắn nên ông G tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lào Thị L.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Sơn G và bà Lào Thị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Sơn G được ly hôn với bà Lào Thị L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông G và bà L có 03 con chung tên Sơn Lào Nhật H, sinh ngày 23/5/2011; Sơn Nhật H, sinh ngày 23/10/1999 và Sơn Minh Q, sinh ngày 23/11/2001. Khi ly hôn, ông Sơn G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Lào Nhật H, sinh ngày 23/5/2011. Do cháu H đã trên 07 tuổi nên trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã làm việc với cháu H theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Qua làm việc, cháu H xác định trường hợp cha và mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng sống với ông G; đồng thời từ khi vợ chồng ông G, bà L sống ly thân cho đến nay ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn Lào Nhật H. Do đó, để tránh sự thay đổi môi trường sống và học tập; đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Sơn Lào Nhật H cho ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Sơn Nhật H, sinh ngày 23/10/1999 và Sơn Minh Q, sinh ngày 23/11/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông G không yêu cầu bà Loán cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp sau này, các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Sơn G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Sơn G đối với bà Lào Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn G được ly hôn với bà Lào Thị L.

- Về con chung: Giao con chung tên Sơn Lào Nhật H, sinh ngày 23/5/2011 cho ông Sơn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Sơn G về việc không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Sơn G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0002218 ngày 05/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Kiệt

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**